**ECONOMY 3 – LC TRANSCRIPT – PART 2 – TEST 02**

|  |  |
| --- | --- |
| 11. Are you going to the concert, Jill?  (A) At the theater.  (B) It was very entertaining.  **(C) Tomorrow evening.** | 11. Bạn sẽ đi xem hoà nhạc phải không Jill?  (A) Tại rạp hát.  (B) Nó rất có tính giải trí.  **(C) Tối mai.** |
| 12. Would you like a room with a sea or  park view?  (A) Sorry, all rooms are currently  occupied.  **(B) I’d like an ocean view.**  (C) Park your car on the side of the road. | 12. Bạn muốn ở phòng có thể nhìn ra biển  hay nhìn ra công viên?  (A) Xin lỗi, tất cả phòng hiện đang được sử  dụng.  **(B) Tôi muốn phòng nhìn ra cảnh biển.**  (C) Đậu xe của bạn ở lề đường. |
| 13. How long have you been waiting here,  Jack?  **(A) Half an hour or so.**  (B) About 20 pages long.  (C) By next Friday. | 13. Bạn đã đợi ở đây bao lâu rồi?  **(A) Khoảng chừng nửa tiếng.**  (B) Dài khoảng 20 trang.  (C) Trước thứ Sáu tuần sau. |
| 14. It is hot outside, isn’t it?  (A) Yes, I put it outside.  (B) Don’t worry. I will be fine.  **(C) It’s humid as well.** | 14. Ở bên ngoài trời nóng phải không?  (A) Phải, tôi đã để nó ở ngoài.  (B) Đừng lo. Tôi sẽ ổn thôi.  **(C) Và nó cũng ẩm nữa.** |
| 15. Would you prefer flying or taking a train  to the conference?  **(A) Whichever would be fine.**  (B) The training should be informative.  (C) I’d rather take off a cap. | 15. Bạn muốn đi máy bay hay đi tàu đến hội  nghị?  **(A) Cái nào cũng được.**  (B) Buổi đào tạo chắc sẽ có nhiều thông tin.  (C) Tôi thà cởi mũ ra. |
| 16. Do you know where the payroll  department is?  (A) I’m sure it’ll pay off someday.  (B) The department store is 2 blocks  away from here.  **(C) On the second floor.** | 16. Bạn có biết bộ phận trả lương ở đâu  không?  (A) Tôi chắc chắn một ngày nào đó tôi sẽ trả  hết nợ.  (B) Cửa hàng bách hoá cách đây 2 khu nhà.  **(C) Ở tầng 2.** |
| 17. Would you make some coffee for me?  (A) Unfortunately, the copier is out of  order.  (B) I’d prefer cream, thanks.  **(C) No problem. I’ll get it for you in a**  **minute.** | 17. Bạn có thể pha một ít cà phê cho tôi chứ?  (A) Không may là máy photo hiện không  hoạt động.  (B) Tôi thích kem.  **(C) Không thành vấn đề. Chút nữa tôi sẽ**  **đi lấy cà phê cho bạn.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 18. Why do you have so many books?  (A) I haven’t read books lately.  (B) The library isn’t closed yet.  **(C) I’m a scientist.** | 18. Sao bạn lại có quá nhiều sách vậy?  (A) Gần đây tôi không đọc cuốn sách nào cả.  (B) Thư viện chưa đóng cửa.  **(C) Tôi là một nhà khoa học.** |
| 19. Didn’t you find a place to sit down?  (A) Yes, I set it over there.  **(B) The café was full of people.**  (C) It’s located uptown. | 19. Bạn không tìm ra chỗ nào để ngồi sao?  (A) Đúng vậy, tôi đã đặt nó ở đằng kia.  **(B) Tiệm cà phê thì chật kín người.**  (C) Nó nằm ở vùng ven đô. |
| 20. Do you know when Ms. Simpson is  making a presentation?  (A) In the conference room on the 10th  floor.  **(B) Late in the afternoon.**  (C) I’ll present it to them. | 20. Bạn có biết khi nào thì cô Simpson sẽ  thực hiện bài thuyết trình không?  (A) Ở phòng hội nghị ở tầng 10.  **(B) Cuối buổi chiều nay.**  (C) Tôi sẽ trình bày nó cho họ. |
| 21. I’m impressed with the novel called My  Way.  **(A) Who is the author?**  (B) I already called you twice.  (C) This way, please. | 21. Tôi có ấn tượng với tiểu thuyết có tên là  My Way.  **(A) Ai là tác giả?**  (B) Tôi đã gọi cho bạn 2 lần rồi.  (C) Vui lòng đi lối này. |
| 22. Who’s available to go over the budget  report?  (A) In a budget hotel.  **(B) I think I can do it.**  (C) They are not over yet. | 22. Ai đang rảnh để xem qua bản báo cáo  ngân sách?  (A) Trong một khách sạn theo ngân sách.  **(B) Tôi nghĩ tôi có thể làm việc đó.**  (C) Chúng vẫn chưa kết thúc. |
| 23. Do you want me to install the new  software application?  (A) I intend to apply for the managerial  position.  **(B) I think I can do it myself.**  (C) It’s taller than I expected. | 23. Bạn có muốn tôi cài đặt ứng dụng phần mềm mới không?  (A) Tôi dự định ứng tuyển vào vị trí quản lí.  **(B) Tôi nghĩ tôi có thể tự làm được.**  (C) Nó cao hơn tôi nghĩ. |
| 24. Will you submit the sales reposrt today,  or do you need more time?  (A) Our total sales have increased this  year by 30%.  (B) The traffic report is available on our  Web site.  **(C) I’ll hand it in this afternoon.** | 24. Bạn sẽ nộp báo cáo bán hàng trong hôm  nay, hay là bạn cần thêm thời gian?  (A) Tổng doanh số bán hàng của chúng  ta năm nay đã tăng 30 phần trăm.  (B) Báo cáo giao thông hiện có sẵn trên  trang web của chúng tôi.  **(C) Chiều nay tôi sẽ nộp nó.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 25. Which hotel do you prefer?  (A) For 3 days.  **(B) The one near the ocean.**  (C) From the news stand. | 25. Bạn thích khách sạn nào hơn?  (A) Trong 3 ngày.  **(B) Cái gần biển.**  (C) Từ quầy bán báo. |